

Bản án số: 271/2025/HS-PT
Ngày: 29/5/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 106/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo **Lê Thanh K** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thanh K - sinh ngày 01/01/1990 tại thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: số K đường T, tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn E, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: nhân viên ngân hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê U** và bà **Ngô Thị B**; có vợ: **Nguyễn Thị Huyền T** (đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam ngày 29/11/2023. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh K: ông **Hồ Văn H** - Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Vắng mặt, có gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo **Lê Thanh K**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Lê Xuân M** - sinh năm 1980; nơi cư trú: số E đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Lê Xuân M**: ông **Trương Công S** - Luật sư của Công ty **L1**; địa chỉ: số **H** đường **P**, quận **C**, thành phố **Đà Nẵng**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2015, **Lê Thanh K** quen biết với bà **Lê Thị Thanh H1** thông qua việc làm chung trong ngành ngân hàng. Vì bị thua lỗ khi tham gia thị trường chứng khoán năm 2021 nên **K** cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. **K** nảy sinh ý định mượn tiền của bà **Lê Thị Thanh H1** để chiếm đoạt, trả nợ cho các chủ nợ và nạp tiền vào tài khoản trò chơi trên mạng internet. Từ ngày 12/4/2023 đến ngày 18/5/2023, **K** liên hệ với bà **H1** rồi đưa ra thông tin gian dối là mượn tiền để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng để bà **H1** tin tưởng. Vì là đồng nghiệp thân thiết nên bà **H1** đồng ý cho **K** mượn tiền, không lấy lãi. Bà **H1** đã chuyển khoản cho **K** mượn tiền 15 lần để **K** làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho khách với số tiền là 1.539.000.000đồng. Ngày 22/5/2023, **K** tiếp tục mượn chị **H1** thêm 150.000.000đồng nhưng bà **H1** không còn tiền để cho mượn nữa. Bà **H1** tìm **K** để đòi nợ thì **K** trốn tránh hoặc đe dọa bà **H1** nhằm mục đích không trả tiền cho bà **H1**. Sau khi nhận tiền của bà **H1**, **K** không sử dụng số tiền này để đáo hạn mà sử dụng để trả nợ cho ông **Lê Xuân M** số tiền 600.000.000đồng, trả nợ cho ông **Phạm Huỳnh H2** số tiền 600.000.000đồng và nạp vào tài khoản trò chơi trên mạng internet 475.000.000đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố **Đà Nẵng** đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: **Lê Thanh K** 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2023.

Về biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc ông **Lê Xuân M** nộp lại số tiền 600.000.000đồng (là vật chứng của vụ án) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo **Lê Thanh K** đối với số tiền chiếm đoạt của bà **Lê Thị Thanh H1**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp đối với ông **Phạm Huỳnh H2**, trách nhiệm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2025, bị cáo **Lê Thanh K** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng án sơ thẩm xử nặng.

Ngày 04/3/2025, ông **Lê Xuân M** kháng cáo không đồng ý nộp lại số tiền 600.000.000đồng vì ông không biết đây là tiền do bị cáo **Lê Thanh K** phạm tội mà có.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Lê Thanh K** và ông **Lê Xuân M** giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo **K** xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

+ Đối với kháng cáo của bị cáo **Lê Thanh K**: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Lê Thanh K** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, mức án 14 năm tù là thoả đáng, không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo có nộp 5.000.000đồng để khắc phục một phần hậu quả. Tuy nhiên, số tiền nêu trên không đáng kể. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **K**, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

+ Đối với kháng cáo của ông **Lê Xuân M** thì thấy: số tiền 600.000.000đồng mà bị cáo **K** trả cho ông **M** là tiền chiếm đoạt của bị hại **Lê Thị Thanh H1**. Đây là tiền do phạm tội mà có nên Toà án cấp sơ thẩm buộc ông **M** phải nộp lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là đúng quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **M**.

- Luật sư **Hồ Văn H** đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo **Lê Thanh K** một phần hình phạt vì hoàn cảnh gia đình bị cáo **K** khó khăn, gia đình bị cáo có khắc phục số tiền 5.000.000đồng.

- Luật sư **Trương Công S** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **Lê Xuân M**. Bởi lẽ: số tiền bị cáo **K** trả cho ông **M** không hoàn toàn là tiền chiếm đoạt của bị hại **Lê Thị Thanh H1**. Cần chứng minh số tiền này là vật chứng thu thập được của vụ án. Không có cơ sở xác định dòng tiền. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên ông **M** không có nghĩa vụ nộp lại số tiền 600.000.000đồng; tuyên buộc bị cáo **K** phải nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo **Lê Thanh K**: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê Thanh K** thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: **Lê Thanh K** và bà **Lê Thị Thanh H1** cùng làm chung tại **ngân**

hàng K1 tại Đà Nẵng. Lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của bà H1, K đã đưa ra thông tin gian dối với bà H1 là hỏi vay mượn tiền của bà H1 nhằm mục đích sử dụng đảo nợ ngân hàng cho các khách hàng. Bà H1 tin tưởng lời K nói là thật nên trong khoảng thời gian từ ngày 12/4/2023 đến ngày 18/5/2023, bà H1 đã 15 lần chuyển tiền cho K. Tuy nhiên, sau đó K chiếm đoạt toàn bộ số tiền này, sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân. Xét Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thanh K, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo K đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Thanh H1 với tổng số tiền là 1.539.000.000đồng nên phạm vào điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo K thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo K có xuất trình tài liệu thể hiện đã nộp số tiền 5.000.000đồng để khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại nhưng xét số tiền khắc phục không đáng kể và mức án 14 năm tù là thoả đáng, không nặng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K cũng như lời bào chữa của Luật sư; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Xuân M - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo K đã dùng số tiền chiếm đoạt của bà Lê Thị Thanh H1 để trả nợ cho ông M 600.000.000đồng. Ông M cũng trình bày đã nhận số tiền này của bị cáo K. Như vậy, đây là tiền do phạm tội mà có, là vật chứng của vụ án nên án sơ thẩm tuyên buộc ông M phải giao nộp lại số tiền nêu trên để bảo đảm thi hành án cho bị cáo K đối với bị hại là đúng quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thanh K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Ông Lê Xuân M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thanh K** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Xuân M**; giữ nguyên hình phạt và biện pháp tư pháp của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: **Lê Thanh K** 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2023.

2. Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000đồng của bị cáo **Lê Thanh K** (do bà **Nguyễn Thị Huyền T** nộp) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000764 ngày 14/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc ông **Lê Xuân M** nộp lại số tiền 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng), (là vật chứng của vụ án) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo **Lê Thanh K** đối với số tiền chiếm đoạt của bà **Lê Thị Thanh H1**.

4. Về án phí: bị cáo **Lê Thanh K** phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (03);
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng (03);
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng (03);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Người liên quan; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TRẦN THỊ KIM LIÊN

